TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/02/2021.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị T và anh C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đương

Ông Nguyễn Hoàng Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14/12/2020 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST-HN, ngày 12/01/2021; và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp TR, xã VK, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp CT, xã TLH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp TR, xã VK, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 chị và anh Trần Văn C qua mai mối và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã TLH, huyện DH (nay là thị xã DH), tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống chị và anh C có 01 con chung tên Trần Thu

T, sinh ngày 18/6/2010 hiện đang sống với chị, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc vài năm sao vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cải nhau thường xuyên và đã ly thân 08 năm nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung tên: Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa cháu Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên toà đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C, về con chung Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con Trần Thu T được sống chung với chị T, về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị T và anh C không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn C có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Đỗ Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn C và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn C xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị T và anh C tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị T và anh C đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, từ khi ly thân anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức. Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2020 anh C thống nhất quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị T khởi kiện là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn anh C cho rằng do bất đồng quan điểm sống vợ chồng cải nhau và ly thân 08 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn, về con chung tên Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 chị T đang nuôi dưỡng, anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung anh không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã hòa giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không đến và tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt lần thứ hai, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 là con chung của chị T và anh C, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu T sống với chị T, được chị T nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại biên bản ghi lời khai, ngày 31/12/2020 của cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị T. Tại phiên tòa chị T xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con Trần Thu T, để cháu T có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 cho chị Đỗ Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị T không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn C được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Đỗ Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Thu T, sinh ngày 18/6/2010 sau khi ly hôn.

Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị T không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh C không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh C không tranh chấp, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0002757 ngày 14/12/2020 do chị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã TLH, huyện DH (nay là thị xã DH), tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.